

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6
SONG DA 6 JOINT STOCK COMPANY



Số BCTC 6th.2026

No.: BCTC_6th.2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Hanoi, August 14, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Sông Đà 6 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) 6 tháng đầu năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with the provisions of Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, of the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on the stock market, Song Da 6 Joint Stock Company discloses financial statement information (FS) for the first 6 months of 2026 with the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6.

1. Name of organization: SONG DA 6 JOINT STOCK COMPANY.

- Mã chứng khoán/Stock code: SD6
- Địa chỉ: Tầng 1&2 nhà TM, khu đô thị Văn Khê, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội.
Address: 1st & 2nd floor of TM building, Van Khe urban area, Ha Dong ward, Ha Noi city.
- Điện thoại liên hệ: 02422.253.666
Telephone: 02422.253.666
- E-mail: Congtycophansongda6@songda6.com.vn
- Website: <https://www.songda6.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure:

- BCTC 6 tháng đầu năm 2026/ The first 6 months of 2026 Financial Statements.

- ☒ Báo cáo tài chính riêng.
Separate financial statements.
- ☐ Báo cáo tài chính hợp nhất.
Consolidated Financial Statements.
- ☐ Báo cáo tài chính tổng hợp.
Combined Financial Statement.

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases subject to explanation of causes:

- ❖ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Profit after corporate income tax at the statement of business results of the reporting period changed by 10% or more compared to the same period of the previous year:

- ☒ Có/ Yes.
- ☐ Không/ No.



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in the case of ticking "yes":

☒ Có/ Yes.

☐ Không/ No.

- ❖ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo lãi, chuyển từ lỗ ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lãi ở kỳ này hoặc ngược lại:

Profit after tax in the reporting period is lost, transferred from profit in the same period of the previous year to loss in this period or vice versa:

☒ Có/ Yes.

☐ Không/ No.

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in the case of ticking "yes":

☒ Có/ Yes.

☐ Không/ No.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2026 tại đường dẫn <https://www.songda6.com.vn>.

This information has been published on the company's website on: August 14, 2026 at the link <https://www.songda6.com.vn/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên (Các giao dịch này làm thay đổi hoặc có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tổng tài sản trở lên trong thời gian từ tháng 01/2026 đến thời điểm này nếu có):

Report on transactions valued at 35% or more of total assets (These transactions result in changes or have a value equal to or exceeding 35% of the total assets during the period from January 2026 to the present, if any)

- Nội dung giao dịch: Không.

Trading Content: No.

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%): Không.

Proportion of transaction value/total asset value of the enterprise (%): No.

- Ngày hoàn thành giao dịch: Không.

Transaction completion date: No.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

We hereby commit that the information disclosed above is true and take full responsibility before the law for the content disclosed information.

Tài liệu đính kèm:

Attachments:

- BCTC: 6th đầu năm 2026

FS: the first 6 months of 2026.

- Văn bản giải trình:

Số: 129/CV-TCKT

Explanatory Documents: No.: 129/CV-TCKT

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

ORGANIZATION REPRESENTATIVE

(Người UQCBTT)

(Persons authorized to disclose information)

Trần Ngọc Ánh
Tran Ngoc Anh



SONG DA 6 JOINT STOCK COMPANY
REVIEWED INTERIM FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE ACCOUNTING PERIOD FROM 01 JANUARY 2026 TO 30 JUNE 2026

August 2026

TABLE OF CONTENTS

CONTENTS	PAGE(S)
STATEMENT OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS	2 - 3
REPORT ON REVIEW OF INTERIM FINANCIAL INFORMATION	4 - 5
INTERIM STATEMENT OF FINANCIAL POSITION	6 - 7
INTERIM INCOME STATEMENT	8
INTERIM CASH FLOW STATEMENT	9 - 10
NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS	11 - 39

STATEMENT OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS

The Board of General Directors of Song Da 6 Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company") presents this report together with the Company's reviewed interim financial statements for the accounting period from 01 January 2026 to 30 June 2026.

BOARD OF MANAGEMENT, BOARD OF SUPERVISORS, BOARD OF GENERAL DIRECTORS AND CHIEF ACCOUNTANT

The members of the Board of Management, Board of Supervisors, Board of General Directors and the Chief Accountant of the Company for the accounting period from 01 January 2026 to 30 June 2026 and up to the date of this report are as follows:

Board of Management

Mr. Dang Quoc Bao	Chairman
Mr. Le Tien Thu	Member
Mr. Nguyen Tuan Phat	Member
Mr. Nguyen Minh Tuan	Member
Mr. Nguyen The Tai	Member

Board of Supervisors

Mr. Nguyen Dinh Tu	Head of the Board of Supervisors
Mr. Do Anh Thai	Member
Mr. Nguyen Anh Dao	Member

Board of General Directors and Chief Accountant

Mr. Le Tien Thu	General Director
Mr. Nguyen Minh Tuan	Deputy General Director
Mr. Vu Manh Cuong	Deputy General Director
Mr. Pham Ngoc Khanh	Deputy General Director

The Company's Chief Accountant is Mr. Nguyen Van Ngan.

The legal representative of the Company for the accounting period from 01 January 2026 to 30 June 2026 and up to the date of this report is Mr. Le Tien Thu - General Director.

THE AUDITOR

The accompanying interim financial statements have been reviewed by UHY Auditing and Consulting Company Limited.

RESPONSIBILITY OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS

The Board of General Directors of the Company is responsible for preparing the interim financial statements that give a true and fair view of the Company's interim financial position as at 30 June 2026, as well as its interim results of operations and its interim cash flows for the accounting period from 01 January 2026 to 30 June 2026, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and relevant legal regulations on the preparation and presentation of the interim financial statements. In preparing the interim financial statements, the Board of General Directors is required to:

- Select suitable accounting policies and apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;

STATEMENT OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS (CONT'D)

RESPONSIBILITY OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS (CONT'D)

- State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the interim financial statements;
- Prepare the interim financial statements on a going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue as a going concern;
- Design and implement an effective system of internal control to ensure preparation and presentation of the interim financial statements and to mitigate the risks of material misstatement due to fraud or error.

The Board of General Directors confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing the interim financial statements.

The Board of General Directors is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the interim financial position of the Company and for ensuring that the interim financial statements of the Company comply with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System, and relevant legal regulations on the preparation and presentation of interim financial statements. The Board of General Directors is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

For and on behalf of the Board of General Directors,



Le Tien Thu

General Director

Hanoi, 14 August 2026

No.: 916/2026/UHY-BCSX

REPORT ON REVIEW OF INTERIM FINANCIAL INFORMATION

*On the interim financial statements of Song Da 6 Joint Stock Company
For the accounting period from 01 January 2026 to 30 June 2026*

To: **The Shareholders**
 The Board of Management and Board of General Directors
 Song Da 6 Joint Stock Company

We have reviewed the accompanying interim financial statements of Song Da 6 Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company") which were prepared on 14 August 2026, as set out on pages 06 to 39, comprising the interim statement of financial position as at 30 June 2026, the interim income statement and the interim cash flow statement for the accounting period from 01 January 2026 to 30 June 2026 and the Notes thereto.

Responsibilities of the Board of General Directors

The Board of General Directors of the Company is responsible for the preparation and fair presentation of the interim financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and relevant legal regulations on the preparation and presentation of the interim financial statements and for such internal control as the Board of General Directors determines is necessary to enable the preparation and presentation of the interim financial statements that are free from material misstatements, whether due to fraud or error.

Responsibilities of the Auditors

Our responsibility is to express a conclusion on this interim financial statement based on the results of our review. We conducted our review in accordance with the Vietnamese Standards of service contract No. 2410 - Review of interim financial information performed by the independent auditor of the entity.

A review of interim financial statements consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical procedures and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with Vietnamese Standards on Auditing and consequently does not enable us to obtain assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express an audit opinion.

Conclusion of the Auditors

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying interim financial statements do not give a true and fair view, in all material respects, of the interim financial position of Song Da 6 Joint Stock Company as at 30 June 2026, as well as the results of its operations and its cash flows for the period from 01 January 2026 to 30 June 2026, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and relevant legal regulations on the preparation and presentation of the interim financial statements.

REPORT ON REVIEW OF INTERIM FINANCIAL INFORMATION (CONT'D)

Emphasis of Matters

We draw attention to the matter disclosed in Note 30 in the Notes to the interim financial statements, "Information relating to the Xekaman 1 - Sanxay Hydropower Project", as at 30 June 2026, receivables and construction in progress relating to the Xekaman 1 - Sanxay Hydropower Project recognized in the Company's interim financial statements at VND 15,660,081,570 and VND 207,776,507,811, respectively (as at 01 January 2026, it was VND 30,556,694,677 and VND 207,776,507,811, respectively). The Xekaman 1 - Sanxay Hydropower Project was completed and commenced electricity generation at the end of 2016, as of the date of preparation of the interim financial statements, the aforementioned construction in progress items have remained subject to acceptance and price adjustment with the main contractor, Song Da Corporation - JSC.

According to the payment terms of Contract No. 10/2013/HDXL-BDH-SD6 regarding the construction of certain items of the Xekaman 1 - Sanxay Hydropower Project and its accompanying amended and supplementary contract appendices, Song Da Corporation - JSC (the contractor) shall make payments to the Company (the subcontractor) immediately after receiving payments from the Investor (Viet Lao Power Joint Stock Company). The payment method and payment ratio are stipulated in the contract signed between Song Da Corporation - JSC and the Investor, as well as in other relevant regulations of Song Da Corporation - JSC.

We draw attention to the matter disclosed in Note 18 in the Notes to the interim financial statements, as of the date hereof, the Company has submitted multiple notifications to the Hanoi Stock Exchange to extend and adjust the dividend payment schedule, and these dividends remain unpaid to the shareholders. Such a delay in dividend payment is not in compliance with the provisions of Article 132 of the Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 and Clause 4, Article 135 of the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020.

We draw the attention of readers of the interim financial statements to Note 30 in the Notes to the interim financial statements, the Company has delayed dividend payments for several years, had outstanding insurance liabilities of VND 16.32 billion as at 30 June 2026 and outstanding tax liabilities totaling VND 53.86 billion and its current liabilities exceeded its current assets by VND 66 billion. These matters indicate the existence of a material uncertainty that may cast significant doubt on the Company's ability to continue as a going concern. However, the Company's business performance in the first six months of the year has shown significant growth, with revenue from sales of goods and rendering of services reaching VND 69 billion (VND 24 billion in the same period of the previous year); trade receivables (both current and non-current) decreased by VND 42.9 billion compared to the beginning of the year; and interest expenses decreased by VND 5.7 billion compared to the same period of the previous year. The Board of General Directors of the Company assessed that the Company's production and business activities remain normal and that the Company is making efforts to increase revenue and collect receivables to settle its liabilities (prioritizing the repayment of borrowings to reduce interest expenses), and to ensure funds for dividend payments to shareholders. Accordingly, the Company's interim financial statements for the accounting period from 01 January 2026 to 30 June 2026 have been prepared on a going concern basis.

Our conclusion is not modified in respect of these matters.



Nguyễn Minh Long

Deputy General Director

Auditor's Practicing Certificate No. 0666-2023-112-1

For and on behalf of

UHY AUDITING AND CONSULTING COMPANY LIMITED

Hanoi, 14 August 2026

INTERIM STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 30 June 2026

ASSETS	Code	Note	Closing balance	Opening balance (As adjusted)
			VND	VND
CURRENT ASSETS	100		500,339,540,745	614,127,440,830
Cash and cash equivalents	110	5	16,311,766,337	17,880,367,151
Cash	111		16,311,766,337	17,880,367,151
Short-term financial investments	120		-	3,032,909,589
Short-term held-to-maturity investments	123		-	3,032,909,589
Current receivables	130		134,316,445,632	239,457,241,127
Short-term trade receivables	131	9	124,329,957,664	265,202,914,088
Short-term advances to suppliers	132		3,442,886,650	1,243,844,963
Other short-term receivables	135	10	8,756,575,770	7,523,976,584
Provision for doubtful short-term receivables	136		(2,212,974,452)	(34,513,494,508)
Inventories	140	11	339,361,417,102	343,087,432,452
Inventories	141		339,361,417,102	343,087,432,452
Other current assets	160		10,349,911,674	10,669,490,511
Short-term prepaid expenses	161	6	4,831,470,888	5,003,470,888
Deductible value-added tax	162		5,518,440,786	5,666,019,623
NON-CURRENT ASSETS	200		135,561,478,213	60,209,546,040
Long-term receivables	210		79,092,071,592	13,729,374,324
Long-term trade receivables	211	9	111,680,896,709	13,729,374,324
Provision for doubtful long-term receivables	216		(32,588,825,117)	-
Fixed assets	220		25,782,665,804	28,307,214,868
Tangible fixed assets	221	12	25,782,665,804	19,916,701,050
- Cost	222		358,098,063,102	343,440,459,302
- Accumulated depreciation	223		(332,315,397,298)	(323,523,758,252)
Fixed assets under finance leases	224	7	-	8,390,513,818
- Cost	225		-	19,081,818,182
- Accumulated depreciation	226		-	(10,691,304,364)
Long-term financial investments	260	8	1,457,397,364	1,450,053,134
Investments in other entities	263		3,102,000,000	3,102,000,000
Provision for impairment of long-term investments	264		(1,644,602,636)	(1,651,946,866)
Other non-current assets	270		29,229,343,453	16,722,903,714
Long-term prepaid expenses	271	6	29,229,343,453	16,722,903,714
TOTAL ASSETS	280		635,901,018,958	674,336,986,870

INTERIM STATEMENT OF FINANCIAL POSITION (CONT'D)

As at 30 June 2026

RESOURCES	Code	Note	Closing balance VND	Opening balance (As adjusted) VND
LIABILITIES	300		566,873,104,563	607,951,609,421
Current liabilities	310		566,793,104,563	607,871,609,421
Short-term trade payables	311	13	92,798,729,725	101,571,702,799
Short-term advances from customers	312	14	57,085,909,082	60,556,570,600
Dividends and profits payables	313		86,101,556,459	86,101,556,459
Short-term tax and other payables to the State budget	314	15	53,867,664,076	56,913,932,652
Payables to employees	315		3,080,611,245	2,400,658,747
Short-term accrued expenses	316		422,850,000	449,074,074
Other short-term payables	320	16	117,877,605,905	114,902,633,303
Short-term loan and finance lease obligations	321	17	155,554,003,390	184,971,306,106
Bonus and welfare fund	323		4,174,681	4,174,681
Non-current liabilities	330		80,000,000	80,000,000
Other long-term payables	338		80,000,000	80,000,000
EQUITY	400	18	69,027,914,395	66,385,377,449
Share capital	411		347,716,110,000	347,716,110,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		347,716,110,000	347,716,110,000
Share premium	412		31,336,985,455	31,336,985,455
Development investment fund	418		76,802,853,978	76,802,853,978
Retained earnings	420		(386,828,035,038)	(389,470,571,984)
- Retained earnings at the end of the prior period	420a		(389,470,571,984)	(322,423,624,000)
- Retained earnings for the current period	420b		2,642,536,946	(67,046,947,984)
TOTAL RESOURCES	440		635,901,018,958	674,336,986,870

Approved, 14 August 2026

Preparer



Tran Ngoc Anh

Chief Accountant



Nguyen Van Ngan

General Director



Le Tien Thu

INTERIM INCOME STATEMENT

For the accounting period from 01 January 2026 to 30 June 2026

Items	Code	Note	Current period VND	Prior period VND
Revenue from sales of goods and rendering of services	01	20	69,147,913,992	24,333,557,815
Revenue deductions	02		-	-
Net revenue from sales of goods and rendering of services	10		69,147,913,992	24,333,557,815
Cost of goods sold and services rendered	11	21	55,158,086,920	52,740,594,936
Gross profit/(loss) from sales of goods and rendering of services	20		13,989,827,072	(28,407,037,121)
Gain/(loss) on disposal of investment property	21		-	-
Financial income	22	22	313,743,917	1,992,750,119
Financial expenses	23	23	7,631,089,278	13,235,543,405
<i>In which: Borrowing costs</i>	24		7,013,113,636	12,773,622,380
Selling expenses	25		-	-
General and administrative expenses	26	24	10,944,895,313	7,882,512,672
Net profit/(loss) from operating activities	30		(4,272,413,602)	(47,532,343,079)
Other income	31	25	9,986,310,185	5,030,659,370
Other expenses	32	26	3,071,359,637	3,316,101,614
Other profit/(loss)	40		6,914,950,548	1,714,557,756
Profit/(loss) before tax	50		2,642,536,946	(45,817,785,323)
Current corporate income tax expense	51		-	-
Deferred corporate income tax expense	52		-	-
Profit/(loss) after tax	60		2,642,536,946	(45,817,785,323)
Basic earnings per share	70	28	76	(1,318)
Diluted earnings per share	71	29	76	(1,318)

Approved, 14 August 2026

Preparer



Tran Ngoc Anh

Chief Accountant



Nguyen Van Ngan

General Director



Le Tien Thu

CASH FLOW STATEMENT**(Applying indirect method)***For the accounting period from 01 January 2026 to 30 June 2026*

Items	Code Note	Current period VND	Prior period VND
Cash flows from operating activities			
Profit before tax	01	2,642,536,946	(45,817,785,323)
Adjustments for			
Depreciation and amortisation	02	2,587,519,064	3,818,867,519
Provisions	03	280,960,831	(5,356,917)
Foreign exchange gains, losses arising from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	04	-	(1,990,009,004)
Gain, loss related to investing and financing activities	05	(901,032,374)	(1,704,235,825)
Borrowing costs	06	7,013,113,636	12,773,622,380
Operating profit before changes in working capital	08	11,623,098,103	(32,924,897,170)
Increase, decrease in receivables	09	39,227,623,593	61,681,114,657
Increase, decrease in inventories	10	3,726,015,350	40,697,415,224
Increase, decrease in payables (excluding interest payable and corporate income tax)	11	(16,371,561,408)	(21,035,952,571)
Increase, decrease in prepaid expenses	12	(12,334,439,739)	(3,062,473,662)
Borrowing costs paid	14	(1,533,613,531)	(1,786,492,492)
Net cash flows from operating activities	20	24,337,122,368	43,568,713,986
Cash flows from investing activities			
Cash payments for acquisition of fixed assets and other long-term assets	21	(62,970,000)	-
Cash proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22	709,500,000	1,978,905,996
Cash outflows for loans granted and purchase of debt instruments of other entities	23	(11,000,000,000)	-
Cash inflows from collection of loans and disposal of debt instruments of other entities	24	14,032,909,589	-
Interest, dividends and profit distributions received	27	97,664,359	-
Net cash flows from investing activities	30	3,777,103,948	1,978,905,996
Cash flows from financing activities			
Cash receipts from borrowings	33	13,268,000,000	1,092,690,929
Cash repayments of borrowings	34	(40,471,482,930)	(44,199,042,647)
Cash payments for principal portion of finance lease liabilities	35	(2,479,344,200)	(1,470,302,898)
Net cash flows from financing activities	40	(29,682,827,130)	(44,576,654,616)

CASH FLOW STATEMENT (CONT'D)**(Applying indirect method)***For the accounting period from 01 January 2026 to 30 June 2026*

Items	Code	Note	Current period VND	Prior period VND
Net cash flows during the period	50		(1,568,600,814)	970,965,366
Opening balance of cash and cash equivalents	60	5	17,880,367,151	3,132,290,681
Closing balance of cash and cash equivalents	70	5	16,311,766,337	4,103,256,047

*Approved, 14 August 2026***Preparer**

Tran Ngoc Anh**Chief Accountant**

Nguyen Van Ngan**General Director****Le Tien Thu**

1. BUSINESS HIGHLIGHTS**STRUCTURE OF OWNERSHIP**

Song Da 6 Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company") was established under Business Registration Certificate No. 3903000072 issued for the first time on 03 January 2006 by the Business Registration Office - Department of Planning and Investment of Gia Lai Province, and was amended for the 20th time under Business Registration Certificate No. 4400135552 issued on 17 September 2025 by the Hanoi Department of Planning and Investment (now the Hanoi Department of Finance).

The Company's head office is currently located on the first and second floors, TM Building, Van Khe Urban Area, Ha Dong Ward, Hanoi.

The charter capital actually contributed, as stated in the Company's 19th amended Business Registration Certificate as at 30 June 2026, was VND 347,716,110,000, equivalent to 34,771,611 shares, with a par value of VND 10,000 per share.

On 26 July 2024, the Company was compulsorily delisted pursuant to Notice No. 846/QD-SGDHN issued by the Hanoi Stock Exchange. As at the date of this report, the Company's shares are traded on the UpCoM.

PRINCIPAL BUSINESS ACTIVITIES

The Company's principal business activities include: Construction of civil, industrial, transportation, irrigation, postal, and technical infrastructure works; construction of power transmission lines and transformer stations; trading in materials, supplies, mechanical equipment, machinery, and construction technology.

NORMAL PRODUCTION AND BUSINESS CYCLE

The normal production and business cycle of the Company is carried out within a period not exceeding 12 months.

The operating cycle for the Company's construction and installation activities is determined based on the construction duration of each individual project.

BUSINESS STRUCTURES

As at 30 June 2026, the Company had 4 dependent units as follows:

Name	Address
Song Da 6.01 Branch	Ban Doc, Khoe On Commune, Lai Chau Province
Song Da 6.03 Branch	Da Nang City
Song Da 6.05 Branch (The branch is temporarily ceasing operations)	Village 2, Bao Lam 5 Commune, Lam Dong Province
Hanoi Branch - Song Da 6 Joint Stock Company (The branch is temporarily ceasing operations)	The first floor, TM Building, Van Khe Urban Area, Ha Dong Ward, Hanoi

EMPLOYEES

The total number of employees of the Company as at 30 June 2026 is 223 (as at 31 December 2025 was 96).

STATEMENT ON THE COMPARABILITY OF INFORMATION IN THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

The comparative figures are the figures presented in the Company's audited financial statements for the financial year ended 31 December 2025 and the reviewed interim financial statements for the accounting period from 01 January 2025 to 30 June 2025.

As presented in Note 3, from 01 January 2026, the Company has adopted Circular No. 99/2025/TT-BTC dated 27 October 2025 issued by the Ministry of Finance providing guidance on the Vietnamese Corporate Accounting System. Accordingly, certain comparative figures have been reclassified and re-presented to conform with the presentation under the guidance of Circular No. 99/2025/TT-BTC. The Company has updated certain accounting policies to better reflect the substance of economic transactions and events, which does not significantly affect the Company's financial position as at 30 June 2026.

2. FINANCIAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

FINANCIAL YEAR

The financial year of the Company begins on 01 January and ends on 31 December each year. The accompanying interim financial statements have been prepared for the accounting period from 01 January 2026 to 30 June 2026.

ACCOUNTING CURRENCY

The Company's accounting currency is Vietnamese Dong (VND) as the majority of the Company's transactions are conducted in VND.

3. APPLIED ACCOUNTING STANDARDS AND REGULATIONS

APPLIED ACCOUNTING STANDARDS

The Company applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System promulgated under Circular No. 99/2025/TT-BTC dated 27 October 2025 issued by the Minister of Finance providing guidance on the Vietnamese Corporate Accounting System, the circulars providing guidance on the implementation of Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance, and other relevant legal regulations on the preparation and presentation of the financial statements.

The accompanying interim financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

STATEMENT OF COMPLIANCE WITH ACCOUNTING STANDARDS AND REGULATIONS

The Board of General Directors ensures compliance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System promulgated under Circular No. 99/2025/TT-BTC dated 27 October 2025 issued by the Ministry of Finance, the guidance circulars for the implementation of Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance, and other relevant legal regulations on the preparation and presentation of interim financial statements.

4. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES, ACCOUNTING ESTIMATES AND RELEVANT LEGAL REGULATIONS

ACCOUNTING ESTIMATES

The preparation of the interim financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards requires the Board of General Directors to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the interim financial statements and the reported amounts of revenue and expenses for the accounting period. Actual results could differ from those estimates.

FOREIGN CURRENCIES

Transactions arising in foreign currencies are translated at the exchange rates prevailing at the transaction dates. Monetary items denominated in foreign currencies at the end of the accounting period are translated at the exchange rates prevailing at that date.

Exchange rate differences arising during the period from foreign currency transactions are recognized in financial income or financial expenses. Exchange rate differences from the retranslation of monetary items denominated in foreign currencies at the end of the accounting period, after offsetting exchange gains and exchange losses, are recognised in financial income or financial expenses.

The exchange rates used to translate foreign currency transactions are the actual exchange rates prevailing at the transaction dates. The actual exchange rates applicable to foreign currency transactions are determined as follows:

- For foreign currency purchase and sale transactions (spot contracts, forward contracts, futures contracts, option contracts and swap contracts): the exchange rate specified in the foreign currency purchase and sale contract entered into between the Company and the bank.
- Where the contract does not specify the settlement exchange rate: the actual exchange rate at the transaction date is the average transfer buying and selling exchange rate quoted by the commercial bank with which the Company regularly conducts transactions.

The exchange rate used for the retranslation of monetary items denominated in foreign currencies at the accounting period date is the average transfer buying and selling exchange rate of the commercial bank with which the Company regularly conducts transactions at the end of the accounting period. For balances of demand deposits denominated in foreign currencies, the Company retranslates all monetary items denominated in foreign currencies using the average transfer buying and selling exchange rate of the commercial bank where the foreign currency deposit accounts are maintained. The Company does not retranslate part or all of foreign currency denominated receivables for which a provision for doubtful debts has been recognised.

CASH AND CASH EQUIVALENTS

Cash comprises cash on hand and demand deposits. Cash equivalents are short-term investments with a redemption period or maturity of no more than 3 months from the purchase date, are easily convertible into a specific amount of cash and subject to minimal risk of value fluctuation upon conversion.

FINANCIAL INVESTMENTS

Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities comprise investments in equity instruments of investees over which the Company has neither control, joint control nor significant influence.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognised at cost, including the purchase price or capital contribution together with transaction costs directly attributable to the acquisition of the investments. Dividends and profits earned before the acquisition of the investment are deducted from the carrying amount of the investment. Dividends and profits earned after the acquisition are recognised as income. Dividends received in the form of shares are recorded only as an increase in the number of shares held, without recognising the value of the shares received.

Provision for impairment of investments in equity instruments of other entities is made at the date of preparation of the interim financial statements when such investments are impaired compared to their original cost. The Company makes a provision for the difference between the actual contributed capital of the parties in the other entity and its actual equity multiplied by the ratio of the Company's contributed capital to the total actual contributed capital of the parties in the other entity.

Increases or decreases in the provision for impairment of investments in equity instruments of other entities required at the reporting date of the interim financial statements are recognised in financial expenses.

RECEIVABLES

Receivables are stated in detail by original repayment term, remaining repayment term at the reporting date, original currency, and individual debtor, and are presented at carrying amount less provisions for doubtful debts. Receivables are classified according to the following principles:

- Trade receivables represent commercial receivables arising from sales transactions between the Company and buyers that are independent entities.

- Internal receivables represent receivables from dependent units without legal status which are accounted for as dependent units.
- Other receivables represent non-commercial receivables that are not related to sales transactions.

The Company makes provision for doubtful debts for receivables that are overdue for payment as stipulated in economic contracts, contractual commitments or debt commitments and remain uncollected despite repeated demands. The overdue period of receivables is determined based on the principal repayment period specified in the original sale and purchase contract, without taking into account any debt extension agreed between the parties. Provision is also made for receivables that are not yet due for payment when the debtor has become bankrupt, is undergoing dissolution procedures, has disappeared or absconded. The provision is reversed when the receivable is collected.

Increases or decreases in the provision for doubtful debts that need to be set aside at the reporting date of the interim financial statements are recognised as general and administrative expenses.

INVENTORIES

Inventories are measured at the lower of cost and net realisable value.

The cost of inventories is determined as follows:

- Raw materials, goods: includes the cost of purchase and other directly related costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition.
- Work in progress: includes only direct raw materials and supplies costs, direct labour costs, construction machinery costs and manufacturing overheads incurred during the period in relation to the cost of construction works.

Net realisable values are the estimated selling prices of inventories in the ordinary course of business less the estimated costs of completion and necessary to make the sale.

The cost of inventories is determined using the weighted average method. Work in progress is accumulated separately for each construction project that has not been completed or for which revenue has not yet been recognised.

Method for making provision for devaluation of inventories: A provision for devaluation of inventories is recognised for each inventory item that has suffered a decline in value (the cost is higher than its net realisable value. Increases or decreases in the provision for devaluation of inventories required to be made at the end of the accounting period are recognized in cost of goods sold for the period.

As at 30 June 2026, the Company has no inventory requiring provision for decline in value.

PREPAID EXPENSES

Prepaid expenses comprise actual costs incurred that relate to the results of production and business activities of several accounting periods. The Company's prepaid expenses include tools and supplies issued for use pending allocation and other prepaid expenses.

Tools and supplies: Tools and supplies put into use are allocated to expenses using the straight-line method over a period of one to three years.

Other prepaid expenses: Depending on the nature and extent of the expenses, the Company selects an appropriate allocation method and allocation basis over the period during which the economic benefits are expected to be generated.

TANGIBLE FIXED ASSETS

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation, reflected on the interim statement of financial position according to the indicators of cost, accumulated depreciation and carrying amount.

The cost of tangible fixed assets includes all costs incurred by the Company to acquire the fixed assets and bring them to the condition necessary for it to operate in the manner intended by the Company. Costs incurred after initial recognition are added to the asset's cost if they are expected to enhance future economic benefits. Costs that do not meet this criterion are recorded as expenses in the period incurred.

When tangible fixed assets are sold or disposed of, their cost and accumulated depreciation are derecognised, and any resulting gain or loss is recognised as income or expense for the period.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. Tangible fixed asset accounting is classified according to groups of assets with the same nature and purpose of use in the company's production and business activities. The useful lives of tangible fixed assets are as follows:

<i>Type of assets</i>	<i>Useful lives (years)</i>
- Buildings and structures	05 - 50
- Machines and equipment	03 - 15
- Vehicles and transmission equipment	08 - 11

FIXED ASSETS UNDER FINANCE LEASES

A lease is classified as a finance lease when substantially all the risks and rewards incidental to ownership of the asset are transferred to the lessee. Fixed assets under finance leases are stated at cost less accumulated depreciation. The cost of fixed assets under finance leases is the lower of the fair value of the leased asset at the inception of the lease and the present value of the minimum lease payments. The discount rate used to calculate the present value of the minimum lease payments is the interest rate implicit in the lease or the interest rate specified in the lease agreement. Where the interest rate implicit in the lease cannot be readily determined, the borrowing rate applicable at the inception of the lease is used.

Fixed assets under finance leases are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. Where there is no reasonable certainty that the Company will obtain ownership of the assets by the end of the lease term, the assets are depreciated over the shorter of the lease term and the estimated useful life of the assets. The estimated useful life or depreciation rates for the various categories of fixed assets under finance leases are as follows:

<i>Type of assets</i>	<i>Depreciation period (years)</i>
- Buildings and structures	11.5
- Vehicles and transmission equipment	8

PAYABLES AND ACCRUED EXPENSES

Payables and accrued expenses are recognised at the value of the present obligations that the Company is required to settle in the future, arising from transactions for goods purchased or services received, or other financial obligations at the time of preparing the interim financial statements.

Accrued expenses are recognised based on reasonable and reliable estimates of the amounts payable, taking into account the information and conditions available at the end of accounting period.

The classification of payables into trade payables, accrued expenses, internal payables, and other payables is based on the following principles:

- Trade payables: Represent commercial liabilities arising from the purchase of goods, services, and assets where the seller is an independent entity from the Company;
- Accrued expenses: Represent costs of materials and construction machinery used in construction works that have been incurred but remain unpaid due to the absence of invoices or insufficient accounting documentation, as well as interest expense payable.

- Internal payables: Represent payables between the head office and its dependent units, or between dependent units.
- Dividends and profits payable: Represent the dividends and profits payable by the Company to its owners.
- Other payables: Represent non-commercial payables that are not related to transactions involving the purchase, sale, or supply of goods and services.

Payables are tracked in detail by each entity and the payment period.

For construction companies, the accrued expenses to temporarily calculate the cost of the goods sold for projects must comply with the following principles:

The company only accrues costs in advance to temporarily calculate the cost of goods sold for projects or items that have been completed and are determined to have been sold during the period. The costs accrued into the cost of goods sold are those that are included in the investment and construction budget but do not yet have sufficient documentation to certify the quantity. The amount of accrued costs is temporarily calculated to ensure it corresponds to the standard cost of goods sold based on the total budgeted costs of the project or item determined to have been sold.

LOAN AND FINANCE LEASE OBLIGATIONS

Loans and finance lease obligations are recognized based on receipts, bank documents, loan and finance lease contracts and agreements.

BORROWING COSTS

Borrowing costs include interest and other costs incurred directly in connection with the loans.

Borrowing costs are recognized as production and business expenses in the period they are incurred unless they are capitalized in accordance with the provisions of the Accounting Standards on "Borrowing costs". Accordingly, borrowing costs that are directly attributable to the acquisition, construction, or production of assets that require a relatively long time to complete are added to the cost of the assets until they are put into use or operation. Gains arising from the temporary investment of loans are deducted from the cost of the related assets. For specific loans related to the construction of fixed assets or real estate investment, interest is capitalized even if the construction period is less than 12 months.

OWNERS' EQUITY

Contributed charter capital

Contributed charter capital is recognized based on the actual amounts contributed by the shareholders.

Share premium

Share premium is recorded as the difference between the issue price and the par value of shares when initially issued, additional issues, the difference between the reissue price and the book value of treasury shares, and the equity component of convertible bonds at maturity. Direct costs related to additional share issuances and reissuance of treasury shares are deducted from the share premium.

PROFIT DISTRIBUTION

Profit after corporate income tax is distributed to shareholders after the deduction of reserves in accordance with the Charter of the Company and legal provisions, as approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to shareholders considers non-monetary items included in undistributed profit after tax that may affect cash flow and the ability to pay dividends, such as gains from the revaluation of assets used for capital contribution or the revaluation of monetary items and other non-monetary financial instruments.

Dividends are recognised as liabilities when they are approved by the General Meeting of Shareholders and the Company has no right to refuse its obligation to pay dividends.

REVENUE AND INCOME RECOGNITION

The Company's revenue includes construction contract revenue and other income.

Revenue from sale of goods and finished products

Revenue from sale of goods and finished products is recognised when all five (5) of the following conditions are satisfied:

- The Company has transferred substantially all the risks and rewards of ownership of the goods or products to the buyer;
- The Company no longer retains managerial involvement to the degree usually associated with ownership, or effective control over the goods or products;
- The revenue can be measured reliably. Where contracts provide buyers with the right to return purchased goods or products subject to specified conditions, revenue is recognised only when such conditions no longer exist, and the buyer no longer has the right to return the goods or products (except where customers are entitled to return goods in exchange for other goods or services);
- The Company has received or will probably receive economic benefits from the sales transaction; and
- The costs relating to the sales transaction can be measured reliably.

Revenue from construction contracts

When the outcome of a construction contract can be estimated reliably:

- For construction contracts that stipulate that the contractor is paid according to the planned progress, revenue and costs related to the contract are recognized corresponding to the portion of work completed as determined by the Company at the reporting date.
- For construction contracts that stipulate that the contractor is paid according to the value of work performed, revenue and costs related to the contract are recognized corresponding to the portion of work completed as confirmed by the customer and reflected in the invoices issued.

Increases and decreases in construction and installation work volume, compensation claims and other receipts are recognized as revenue only when agreed with the customer.

When the outcome of a construction contract cannot be estimated reliably:

- Revenue is recognized only to the extent of contract costs incurred for which recovery is reasonably certain.
- Contract costs are recognized as expenses when incurred.

The difference between the cumulative revenue recognized for a construction contract and the cumulative amounts invoiced according to the planned progress of the contract is recognized as a receivable or payable according to the planned progress of the construction contract.

Financial income

Interest income from long-term investments is accrued and the right to receive interest from the investee companies is recognised.

Bank deposit interest is recognized based on periodic notices from the bank.

EXPENSE RECOGNITION

Cost of goods sold is recognized when the expenses related to the generation of revenue have been incurred and can be measured reliably, in accordance with the matching principle against the corresponding revenue, regardless of the time of payment. Where necessary, expenses directly related to the revenue during the period are estimated and recognized based on reasonable and consistent assumptions. Costs exceeding normal consumption levels are recognized immediately in the cost of sales in accordance with the prudence principle.

Expenses other than cost of goods sold, including selling expenses, general and administrative expenses, and other operating expenses, are recognized in the income statement in the period in which they are incurred, on a matching basis with the related revenue, regardless of the time of payment. These expenses are recognized when there is sufficient evidence of the incurrence of an obligation and they can be measured reliably.

Expenses that do not generate future economic benefits are recognized immediately as expenses in the period in accordance with the prudence principle.

Expenses are classified and presented according to their economic nature in compliance with prevailing accounting standards and regulations.

FINANCIAL EXPENSES

Financial expenses recognized in the interim statement of income represent the total financial expenses incurred during the period, without offsetting against financial income, including interest expenses and foreign exchange differences.

TAXES AND OTHER PAYABLES TO THE STATE BUDGET

Value-added tax (VAT)

The Company applies VAT declaration and calculation in accordance with the prevailing tax laws and regulations.

Corporate income tax

Corporate income tax (if any) represents the total amount of current tax payable.

Current corporate income tax is the amount of tax calculated based on taxable income. Taxable income differs from accounting profit due to adjustments for temporary differences between tax and accounting treatments, non-deductible expenses, non-taxable income, and tax losses carryforwards.

Corporate income tax is calculated at the tax rate effective at the end of the accounting period, being 20% of taxable income.

The determination of the Company's income tax liability is based on the prevailing tax regulations. However, these regulations change from time to time, and the final determination of corporate income tax is subject to the assessment of the competent tax authorities.

Other taxes

Other taxes and fees are declared and paid by the Company to the local tax authorities in accordance with the prevailing tax laws of Vietnam.

RELATED PARTIES

Parties are considered to be related if one party has the ability to control or exercise significant influence over the other party in making financial and operating policy decisions. Parties are also considered related if they are subject to common control or common significant influence.

In considering related party relationships, the substance of the relationship takes precedence over its legal form.

5. CASH AND CASH EQUIVALENTS

Cash and cash equivalents held by the Company that are not subject to restrictions on use	Closing balance VND	Opening balance VND
- Cash on hand	3,436,520,641	3,285,843,536
- Cash at banks	12,875,245,696	14,594,523,615
+ <i>Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ha Dong Branch</i>	8,396,613,107	-
+ <i>Other banks</i>	4,478,632,589	14,594,523,615
Total	16,311,766,337	17,880,367,151

6. PREPAID EXPENSES

	Closing balance VND	Opening balance VND
a) Short-term	4,831,470,888	5,003,470,888
- Tools and supplies issued for uses	4,831,470,888	5,003,470,888
b) Long-term	29,229,343,453	16,722,903,714
- Enterprise foundation expenses	575,234,309	393,478,040
- Tools and supplies issued for uses	6,857,729,504	3,904,918,515
- Construction costs: Office buildings, residential housing, and factory facilities	9,879,079,081	4,066,470,206
- Repair costs of crushing and screening plant	4,975,273,549	4,377,437,447
- Relocation costs of machinery, equipment, and construction workforce	6,942,027,010	3,980,599,506
Total	34,060,814,341	21,726,374,602

7. FIXED ASSETS UNDER FINANCE LEASES

	Machinery and equipment VND	Total VND
HISTORICAL COST		
Opening balance	19,081,818,182	19,081,818,182
- Purchase of fixed assets under finance leases	(19,081,818,182)	(19,081,818,182)
Closing balance	-	-
ACCUMULATED DEPRECIATION		
Opening balance	(10,691,304,364)	(10,691,304,364)
- Depreciation during the period	(553,096,180)	(553,096,180)
- Purchase of fixed assets under finance leases	11,244,400,544	11,244,400,544
Closing balance	-	-
NET CARRYING AMOUNT		
Opening balance	8,390,513,818	8,390,513,818
Closing balance	-	-

8. LONG-TERM FINANCIAL INVESTMENTS

The Company's long-term financial investments include investments in other entities. Information regarding the Company's investments in other entities is as follows:

	Closing balance		Provision	Opening balance	
	Historical cost	Recoverable value		Historical cost	Recoverable value
	VND	VND	VND	VND	VND
Investments in other entities	3,102,000,000	1,457,397,364	(1,644,602,636)	3,102,000,000	1,450,053,134
+ <i>Van Phong Investment & Development Joint Stock Company (1)</i>	3,000,000,000	1,365,171,181	(1,634,828,819)	3,000,000,000	1,365,171,181
+ <i>Vinh Son Investment Joint Stock Company (2)</i>	102,000,000	92,226,183	(9,773,817)	102,000,000	84,881,953
Total	3,102,000,000	1,457,397,364	(1,644,602,636)	3,102,000,000	1,450,053,134
					(1,651,946,866)

(1) The Company has invested in Van Phong Investment and Development Joint Stock Company with 300,000 shares. Van Phong Investment and Development Joint Stock Company is headquartered at STH23C15, Road No. 17, Le Hong Phong II Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province. The Company's principal business activity is architecture and related technical consultancy.

(2) The Company has invested in Vinh Son Investment Joint Stock Company with 10,200 shares. Vinh Son Investment Joint Stock Company is headquartered in Hamlet 7, Phu Cat Commune, Hanoi. The Company's principal business activity is the generation and trading of commercial electricity.

9. TRADE RECEIVABLES

	Closing balance		Opening balance (As adjusted)	
	Balance VND	Provision VND	Balance VND	Provision VND
a) Short-term	124,329,957,664	(94,545,451)	265,202,914,088	(32,395,065,507)
<i>Trade receivables from related parties</i>	16,338,261,136	-	122,928,927,783	(32,395,065,507)
- Song Da Corporation - JSC	16,122,772,401	-	119,956,346,032	(32,395,065,507)
+ The office of Song Da Corporation - JSC	-	-	2,103,531,241	-
+ Xekaman 1 Hydropower Project Management Board (*)	15,660,081,570	-	30,556,694,677	-
+ Xekaman 3 Hydropower Project Management Board	-	-	66,589,486,246	(32,395,065,507)
+ Se San 4 Hydropower Project Management Board	-	-	3,777,474,954	-
+ Hydropower Project Finalization Committee	-	-	3,513,860,300	-
+ Infrastructure and Industrial Project Management Board	-	-	4,820,807,359	-
+ Hua Na Hydropower Project Management Board	-	-	3,857,747,509	-
+ Nam Chien Hydropower Project Management Board	-	-	4,454,269,661	-
+ Bac Ai Pumped Storage Hydropower Project Management Board	462,690,831	-	282,474,085	-
- Song Da 3 Joint Stock Company	-	-	1,460,424,055	-
- Branch Song Da 3.07 - Song Da 3 Joint Stock Company	-	-	131,047,575	-
- Song Da 4 Joint Stock Company	-	-	10,000	-
- Branch Song Da 4.09 - Song Da 4 Joint Stock Company	-	-	67,828,518	-
- Song Da 9 Joint Stock Company	-	-	32,433,208	-
- Song Da 10.7 Enterprise	-	-	1,280,838,395	-
- Song Da 10.2 Enterprise	215,488,735	-	-	-
<i>Trade receivables from other parties</i>	107,991,696,528	(94,545,451)	142,273,986,305	-
- Dong A Investment and Construction Joint Stock Company	36,722,912,405	-	39,722,912,405	-
- Sekong A Downstream Hydropower Co., Ltd	28,790,475,928	-	49,604,724,549	-
- Other customers	42,478,308,195	(94,545,451)	52,946,349,351	-

	Closing balance		Opening balance (As adjusted)	
	Balance VND	Provision VND	Balance VND	Provision VND
b) Long-term				
<i>Trade receivables from related parties</i>				
- Song Da Corporation - JSC	111,680,896,709	(32,588,825,117)	13,729,374,324	-
+ The office of Song Da Corporation - JSC	92,089,749,021	(32,395,065,507)	-	-
+ Xekaman 3 Hydropower Project Management Board	89,117,177,270	(32,395,065,507)	-	-
+ Se San 4 Hydropower Project Management Board	2,103,531,241	-	-	-
+ Hydropower Project Finalization Committee	66,589,486,246	(32,395,065,507)	-	-
+ Infrastructure and Industrial Project Management Board	3,777,474,954	-	-	-
+ Hua Na Hydropower Project Management Board	3,513,860,300	-	-	-
+ Nam Chien Hydropower Project Management Board	4,820,807,359	-	-	-
- Song Da 3 Joint Stock Company	3,857,747,509	-	-	-
- Branch Song Da 3.07 - Song Da 3 Joint Stock Company	4,454,269,661	-	-	-
- Branch Song Da 4.09 - Song Da 4 Joint Stock Company	1,460,424,055	-	-	-
- Song Da 9 Joint Stock Company	131,047,575	-	-	-
- Song Da 10.7 Enterprise	67,828,518	-	-	-
<i>Trade receivables from other parties</i>	32,433,208	-	-	-
- Sekong A Downstream Hydropower Co., Ltd	1,280,838,395	-	-	-
- Other customers	19,591,147,688	(193,759,610)	13,729,374,324	-
Total	15,424,091,336	-	13,401,002,896	-
	4,167,056,352	(193,759,610)	328,371,428	-
	236,010,854,373	(32,683,370,568)	278,932,288,412	(32,395,065,507)

(*) Details are presented in Note 30

10. OTHER RECEIVABLES

	Closing balance		Opening balance	
	Balance	Provision	Balance	Provision
	VND	VND	VND	VND
a) Short-term	8,756,575,770	(2,118,429,001)	7,523,976,584	(2,118,429,001)
<i>Other receivables from related parties</i>	847,234,605	-	847,234,605	-
- Se San 4 Hydropower Project Management - Song Da Corporation - JSC	597,380,000	-	597,380,000	-
- Branch Song Da 11.1 - Song Da 11 Joint Stock Company	249,854,605	-	249,854,605	-
<i>Other receivables from other parties</i>	7,909,341,165	(2,118,429,001)	6,676,741,979	(2,118,429,001)
- Advances to employees	4,025,505,189	-	3,159,554,733	-
- Mortgages or deposits	617,663,917	-	917,342,312	-
- Other receivables	3,266,172,059	(2,118,429,001)	2,599,844,934	(2,118,429,001)
+ Mr. Ho Sy Hung	1,032,400,001	(1,032,400,001)	1,032,400,001	(1,032,400,001)
+ Song Da - Nha Trang Joint Stock Company	1,086,029,000	(1,086,029,000)	1,086,029,000	(1,086,029,000)
+ Other receivables	1,147,743,058	-	481,415,933	-
b) Long-term	-	-	-	-
Total	8,756,575,770	(2,118,429,001)	7,523,976,584	(2,118,429,001)

11. INVENTORIES

	Closing balance		Opening balance	
	Historical cost VND	Provision VND	Historical cost VND	Provision VND
Raw materials, supplies	13,078,698,605	-	7,060,535,851	-
Tools, supplies	1,687,440,562	-	2,111,076,352	-
Work in progress	322,790,057,674	-	333,915,820,249	-
+ <i>Xekaman 1 - Sanxay Hydropower Project (*)</i>	207,776,507,811	-	207,776,507,811	-
+ <i>Dak Mi 1 Hydropower Project</i>	32,169,385,198	-	32,790,408,581	-
+ <i>Huoi Quang Hydropower Project</i>	39,772,079,528	-	39,772,079,528	-
+ <i>Xekaman 3 Hydropower Project</i>	30,633,468,908	-	30,633,468,908	-
+ <i>Other projects</i>	12,438,616,229	-	22,943,355,421	-
Finished goods	1,805,220,261	-	-	-
Total	339,361,417,102	-	343,087,432,452	-

(*) Details are presented in Note 30

12. TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings and structures VND	Machinery and equipment VND	Vehicles and transmission equipment VND	Total VND
HISTORICAL COST				
Opening balance	19,292,803,248	261,576,174,166	62,571,481,888	343,440,459,302
- Purchase of fixed assets under finance leases	-	19,144,788,182	-	19,144,788,182
- Disposals	-	(1,471,386,407)	(3,015,797,975)	(4,487,184,382)
Closing balance	19,292,803,248	279,249,575,941	59,555,683,913	358,098,063,102
ACCUMULATED DEPRECIATION				
Opening balance	(8,244,855,823)	(254,264,407,104)	(61,014,495,325)	(323,523,758,252)
- Depreciation during the period	(257,237,376)	(1,332,332,188)	(444,853,320)	(2,034,422,884)
- Purchase of fixed assets under finance leases	-	(11,244,400,544)	-	(11,244,400,544)
- Disposals	-	1,471,386,407	3,015,797,975	4,487,184,382
Closing balance	(8,502,093,199)	(265,369,753,429)	(58,443,550,670)	(332,315,397,298)
NET CARRYING AMOUNT				
Opening balance	11,047,947,425	7,311,767,062	1,556,986,563	19,916,701,050
Closing balance	10,790,710,049	13,879,822,512	1,112,133,243	25,782,665,804

- The historical cost of tangible fixed assets used as mortgage, pledge or loan security as at 30 June 2026 was VND 17,561,440,074 (as at 01 January 2026 was VND 22,336,583,063).

- The cost of fully depreciated tangible fixed assets that are still in use as at 30 June 2026 was VND 292,384,877,648 (as at 01 January 2026 was VND 275,670,339,280).

- The historical cost of tangible fixed assets held for disposal as at 30 June 2026 was 1,765,619,635 (as at 01 January 2026 was 1,304,980,674).

13. TRADE PAYABLES

	Closing balance VND	Opening balance VND
a) Short-term	92,798,729,725	101,571,702,799
<i>Trade payables from related parties</i>	<i>16,086,727,945</i>	<i>15,219,723,738</i>
- Song Da Corporation - JSC	3,761,328,765	2,894,324,558
+ <i>The office of Song Da Corporation - JSC</i>	<i>3,286,318,640</i>	<i>2,419,314,433</i>
+ <i>Son La Hydropower Project Management Board</i>	<i>475,010,125</i>	<i>475,010,125</i>
- Branch of Song Da Consulting Joint Stock Company	3,299,630,502	3,299,630,502
- Song Da Construction Testing Centre		
- Song Da 2 Joint Stock Company	8,925,450,478	8,925,450,478
- Song Da Consulting Joint Stock Company	100,318,200	100,318,200
<i>Trade payables from other parties</i>	<i>76,712,001,780</i>	<i>86,351,979,061</i>
- Lai Chau Petroleum Trading Joint Stock Company	21,556,991,404	21,556,991,404
- Phuc Anh Investment International Co., Ltd	2,240,429,282	4,240,429,282
- Dai Ngan Construction and Trading Joint Stock	7,380,319,543	7,380,319,543
- Other suppliers	45,534,261,551	53,174,238,832
b) Long-term	-	-
Total	92,798,729,725	101,571,702,799

14. ADVANCES FROM CUSTOMERS

	Closing balance VND	Opening balance VND
a) Short-term	57,085,909,082	60,556,570,600
<i>Advances from customers - related parties</i>	<i>18,404,158,009</i>	<i>18,069,763,148</i>
- Hydropower Project Finalization Committee	666,793,000	666,793,000
- Song Da Corporation - JSC	17,737,365,009	17,402,970,148
<i>Advances from customers - other parties</i>	<i>38,681,751,073</i>	<i>42,486,807,452</i>
- Bach Dang Construction Corporation - JSC	28,699,814,589	28,699,814,589
- Sekong A Downstream Hydropower Co., Ltd	9,811,935,748	13,406,992,863
- Other customers	170,000,736	380,000,000
b) Long-term	-	-
Total	57,085,909,082	60,556,570,600

15. TAXES AND OTHER PAYABLES TO THE STATE BUDGET**Tax and other payables to the State budget****a) Short-term**

- Value added tax
- Corporate income tax
- Personal income tax
- Natural resources tax
- Fees, charges and other payables

b) Long-term**Total**

Opening balance	Incurred during the period	Payment during the period	Closing balance
VND	VND	VND	VND
56,913,932,652	494,481,629	3,540,750,205	53,867,664,076
27,307,960,661	(817,735,668)	2,772,547,405	23,717,677,588
7,663,180,516	-	-	7,663,180,516
846,790,358	232,593,376	759,693,131	319,690,603
201,537,000	-	-	201,537,000
20,894,464,117	1,079,623,921	8,509,669	21,965,578,369
-	-	-	-
56,913,932,652	494,481,629	3,540,750,205	53,867,664,076

16. OTHER PAYABLES

	Closing balance VND	Opening balance VND
a) Short-term	117,877,605,905	114,902,633,303
<i>Other payables from related parties:</i>	41,370,098	41,370,098
- Hydropower Project Finalization Committee	41,370,098	41,370,098
<i>Other payables from other entities and individuals</i>	117,836,235,807	114,861,263,205
- Interest payable	95,004,066,449	89,790,090,758
- Social, health, and unemployment insurance	16,324,119,305	18,486,720,332
- Trade union fees	2,576,359,115	2,667,445,561
- Other short-term payables	3,931,690,938	3,917,006,554
b) Long-term	-	-
Total	117,877,605,905	114,902,633,303

17. LOAN AND FINANCE LEASE OBLIGATIONS

Description	Closing balance	In the period		Opening balance
	Balance VND	Increase VND	Decrease VND	Balance VND
Short-term loans	155,554,003,390	13,533,524,414	40,471,482,930	182,491,961,906
<i>Short-term loans</i>	<i>155,554,003,390</i>	<i>13,533,524,414</i>	<i>40,471,482,930</i>	<i>182,491,961,906</i>
+ Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ha Dong Branch (1)	46,085,749,909	-	6,000,000,000	52,085,749,909
+ Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Do Thanh Branch (2)	58,877,216,024	-	779,231,685	59,656,447,709
+ Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Viet Nam - West of Ha Noi Branch (3)	44,648,118,135	-	424,251,245	45,072,369,380
+ Loans from individuals (4)	5,942,919,322	3,533,524,414	3,268,000,000	5,677,394,908
+ Hung Loc Phat Investment & Development JSC	-	10,000,000,000	30,000,000,000	20,000,000,000
Finance lease obligations	-	-	2,479,344,200	2,479,344,200
+ BIDV - Sumi Trust Leasing Company., Ltd - Ha Noi Branch	-	-	2,479,344,200	2,479,344,200
Total	155,554,003,390	13,533,524,414	42,950,827,130	184,971,306,106

Detailed disclosures of loans:

- (1) The loan from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ha Dong Branch has a credit limit of VND 240,000,000,000. The purpose of the loan is to supplement working capital, provide guarantees, and open letters of credit (L/C) to serve the Company's business operations. The interest rate for on-time repayments is specified in each loan acknowledgment note, while the interest rate on overdue principal is 150% of the in-term interest rate applicable at the time of delay. The loan is secured by the Company's assets under mortgage contracts. The loan term for each disbursement is calculated from the day following the disbursement date to the date the borrower is required to repay the full principal and interest. The overall loan term is from the date of the contract signing until 15 December 2024. The net carrying amount of the collateral as at 30 June 2026 was VND 17,561,440,074.
- (2) The loan from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Do Thanh Branch has a credit limit of VND 70,000,000,000, applicable from the contract signing date to 31 December 2022. The loan purpose is to supplement working capital for the Borrower's short-term operating activities. The in-term interest rate is determined according to each loan acknowledgment note, while the interest rate for overdue principal balance corresponding to the period of late payment is set at 150% of the in-term interest rate. The loan is secured by the mortgage of assets owned by the Company under asset mortgage agreements. The term of each loan draw-down is calculated from the day following the Bank's disbursement date to the date on which the Borrower must fully repay the principal and interest. The term for each loan draw-down is specified in the respective promissory note, but shall not exceed 09 months. As at 30 June 2026, the net carrying amount of the collateralized assets is VND 0.
- (3) The loan from Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Western Hanoi Branch has a credit limit of VND 57,000,000,000. The purpose of the loan is to finance the Company's legitimate, reasonable, and valid short-term credit needs related to construction activities, excluding short-term needs for investment in fixed assets. The in-term interest rate is determined according to each loan acknowledgment note, while the interest rate for overdue principal balance corresponding to the period of late payment is set at 150% of the in-term interest rate. The loan is secured by the mortgage of assets owned by the Company under asset mortgage agreements. The loan term is 09 months from the day following the disbursement date and is specified in each loan acknowledgment note. As at 30 June 2026, the net carrying amount of the collateralized assets is VND 0.
- (4) A loan was incurred between the Company and certain individuals who are employees of the Company at an interest rate of 8% per annum.

18. OWNERS' EQUITY					
a)	Changes in owners' equity				
Items	Share capital	Share premium	Development investment funds	Retained earnings (As adjusted) (*)	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
Opening balance of prior year	347,716,110,000	31,336,985,455	76,802,853,978	(275,066,389,819)	180,789,559,614
- Loss for the prior year	-	-	-	(114,404,182,165)	(114,404,182,165)
Closing balance of prior year	347,716,110,000	31,336,985,455	76,802,853,978	(389,470,571,984)	66,385,377,449
Opening balance	347,716,110,000	31,336,985,455	76,802,853,978	(389,470,571,984)	66,385,377,449
- Loss for the current period	-	-	-	2,642,536,946	2,642,536,946
Closing balance	347,716,110,000	31,336,985,455	76,802,853,978	(386,828,035,038)	69,027,914,395

(*) Details are presented in Note 30

b) Details of the share capital

	Closing balance VND	Opening balance VND
- Song Da Corporation - JSC	226,015,400,000	226,015,400,000
- Capital contributed by other shareholders	121,700,710,000	121,700,710,000
Total	347,716,110,000	347,716,110,000

c) Equity transactions with owners and distribution of profits, dividends

	Current period VND	Prior period VND
- Owners' equity		
+ Equity at the beginning of the period	347,716,110,000	347,716,110,000
+ Equity increase during the period	-	-
+ Equity decrease during the period	-	-
+ Equity at the end of the period	347,716,110,000	347,716,110,000
- Dividends and profits distributed	-	-

d) Shares

	Closing balance Share	Opening balance Share
Number of registered shares to be issued	-	-
Number of shares issued to the public	34,771,611	34,771,611
+ Ordinary shares	34,771,611	34,771,611
Number of shares in circulation	34,771,611	34,771,611
+ Ordinary shares	34,771,611	34,771,611
Par value per share (VND/share)	10,000	10,000

e) Dividends

Up to the present time, the Company has submitted multiple notifications to the Hanoi Stock Exchange to extend and adjust the dividend payment schedule, and these dividends remain unpaid to the shareholders. Such a delay in dividend payment is not in compliance with the provisions of Article 132 of the Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 and Clause 4, Article 135 of the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020.

19. OFF-STATEMENT OF FINANCIAL POSITION ITEMS

	Closing balance	Opening balance
Foreign currencies:		
Dollar (USD)	68,957.20	1,095.97

20. REVENUE FROM SALES OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES

	Current period VND	Prior period VND
- Revenue from construction contracts	65,825,681,621	21,688,021,986
- Other revenue	3,322,232,371	2,645,535,829
Total	69,147,913,992	24,333,557,815

Revenue from related parties: *Details are presented in Note 30***21. COST OF GOODS SOLD**

	Current period VND	Prior period VND
- Cost of construction contracts	51,169,383,195	51,870,430,304
- Other cost of sales	3,988,703,725	870,164,632
Total	55,158,086,920	52,740,594,936

22. FINANCIAL INCOME

	Current period VND	Prior period VND
- Interest from bank deposits, loans	101,432,890	2,741,115
- Foreign exchange gain	212,311,027	1,990,009,004
Total	313,743,917	1,992,750,119

23. FINANCIAL EXPENSES

	Current period VND	Prior period VND
- Borrowing costs	7,013,113,636	12,773,622,380
- Others	617,975,642	461,921,025
Total	7,631,089,278	13,235,543,405

24. GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES

	Current period VND	Prior period VND
<i>General and administrative expenses</i>	<i>10,944,895,313</i>	<i>7,882,512,672</i>
- Administrative staff costs	7,385,873,917	5,366,954,216
- Administrative material costs	444,638,391	337,020,259
- Cost of office supplies	398,728,444	135,207,735
- Depreciation and amortisation	257,237,376	346,803,101
- Taxes, fees and expenses	32,180,820	39,175,177
- Provision	288,305,061	-
- Outsource service expenses	859,253,179	634,410,465
- Other montary expenses	1,278,678,125	1,022,941,719
Total	10,944,895,313	7,882,512,672

25. OTHER INCOME

	Current period VND	Prior period VND
- Disposal and sale of fixed assets	645,000,000	1,704,235,825
- Compensation received	9,314,169,036	1,812,802,585
- Others	27,141,149	1,513,620,960
Total	9,986,310,185	5,030,659,370

26. OTHER EXPENSES

	Current period VND	Prior period VND
- Penalties for late payment of taxes and social insurance	2,807,970,402	3,220,370,253
- Others	263,389,235	95,731,361
Total	3,071,359,637	3,316,101,614

27. OPERATING COST BY NATURE

	Current period VND	Prior period VND
- Raw material costs	20,326,245,123	1,882,466,948
- Labor costs	18,128,004,707	6,688,670,593
- Depreciation and amortisation	2,587,519,064	3,818,867,519
- Outsource service expenses	12,635,791,453	7,413,286,055
- Provision	288,305,061	-
- Other montary expenses	2,774,549,556	1,871,969,790
Total	56,740,414,964	21,675,260,905

28. BASIC EARNINGS PER SHARE

	Current period	Prior period
Profit or loss distributed to shareholders holding ordinary shares (VND)	2,642,536,946	(45,817,785,323)
Weighted average number of shares outstanding during the period (shares)	34,771,611	34,771,611
Basic earnings per share (VND/share)	76	(1,318)

29. DILUTED EARNINGS PER SHARE

The Company's Board of General Directors assesses that, in the foreseeable future, there will be no impact from instruments convertible into shares that could dilute share value. Therefore, diluted earnings per share is equal to basic earnings per share.

30. OTHER INFORMATION**a) Events arising after the end of the accounting period**

The Board of General Directors of the Company affirms that, in the opinion of the Board of General Directors, in all material respects, no unusual events are occurring after the accounting closing date that affect the interim financial situation and operations of the Company that require adjustment or presentation in the interim financial statements for the accounting period from 01 January 2026 to 30 June 2026.

b) Information about related parties

During the accounting period from 01 January 2026 to 30 June 2026, the Company had transactions with related parties including:

No.	Name of related party	Relationship
1	Song Da Corporation - JSC	Parent company
2	Xekaman 1 Hydropower Project Management Board	Subsidiary of the parent company
3	Xekaman 3 Hydropower Project Management Board	Subsidiary of the parent company
4	Se San 4 Hydropower Project Management Board	Subsidiary of the parent company
5	Hua Na Hydropower Project Management Board	Subsidiary of the parent company
6	Nam Chien Hydropower Project Management Board	Subsidiary of the parent company
7	Hydropower Project Finalization Committee	Subsidiary of the parent company
8	Infrastructure and Industrial Project Management Board	Subsidiary of the parent company
9	Song Da 2 Joint Stock Company	Associate
10	Song Da 3 Joint Stock Company	Under the same parent company
11	Song Da 4 Joint Stock Company	Under the same parent company
12	Song Da 5 Joint Stock Company	Under the same parent company
13	Song Da 9 Joint Stock Company	Under the same parent company
14	Song Da 10 Joint Stock Company	Under the same parent company
15	Song Da Consulting Joint Stock Company	Under the same parent company

Transactions with related parties

	Current period VND	Prior period VND
Sales of goods and rendering of services		
- Song Da 4 Joint Stock Company	171,348,414	184,750,330
- Song Da 10.2 Enterprise - Song Da 10 Joint Stock Company	294,483,400	-

Remuneration and salaries of the Board of Management, Board of General Director, and other key management personnel

	Position	Current period VND	Prior period VND
Income of the Board of Management and Board of General Directors		744,763,372	790,010,744
Mr. Dang Quoc Bao	Chairman	39,515,000	39,900,000
Mr. Le Tien Thu	Member cum General Director	232,246,882	186,129,736
Mr. Nguyen Tan Phat	Member	43,485,000	45,300,000
Mr. Nguyen Minh Tuan	Member cum Deputy General Director	44,485,000	45,300,000
Mr. Nguyen The Tai	Member	-	175,120,239
Mr. Vu Manh Cuong	Deputy General Director	192,699,825	149,299,865
Mr. Pham Ngoc Khanh	Deputy General Director	192,331,665	148,960,904
Income of the Board of Supervisors		460,009,000	247,428,896
Mr. Nguyen Dinh Tu	Head of Supervisory Board	190,638,000	96,575,417
Mr. Do Anh Thai	Member	27,540,000	15,300,000
Mr. Nguyen Anh Dao	Member	241,831,000	135,553,479
Income of Chief Accountant		257,179,000	147,619,081
Mr. Nguyen Van Ngan	Chief Accountant	257,179,000	147,619,081
Total		1,461,951,372	1,185,058,721

c) Information related to the Xekaman 1 - Sanxay Hydropower Project

As disclosed in item (*) of Note 9 and 11, as at 30 June 2026, receivables and construction work in progress related to the Xekaman 1 - Sanxay Hydropower Project recorded in the Company's interim financial statements amounted to VND 15,660,081,570 and VND 207,776,507,811 respectively (as at 01 January 2026: VND 30,556,694,677 and VND 207,776,507,811 respectively). Although the Xekaman 1 - Sanxay Hydropower Project was completed and commenced commercial operations at the end of 2016, as of the date of the financial statements, the aforementioned work items remain subject to final acceptance and price adjustment procedures with the main contractor, Song Da Corporation - JSC.

According to the payment terms of Contract No. 10/2013/HDXL-BDH-SD6 for the construction of certain items of the Xekaman 1 - Sanxay Hydropower Project and its accompanying amended and supplementary appendices, Song Da Corporation – JSC (the contractor) is required to make payments to the Company (the subcontractor) immediately after receiving payment from the Investor (Viet Lao Power Joint Stock Company). Payment methods and payment rates are in accordance with the provisions of the Contract signed between the Company and the Investor, and other relevant regulations of Song Da Corporation - JSC.

d) Information about going concern

The Company has delayed dividend payments for several years, had outstanding insurance liabilities of VND 16.32 billion as at 30 June 2026 and outstanding tax liabilities totaling VND 53.86 billion and its current liabilities exceeded its current assets by VND 66 billion. These matters indicate the existence of a material uncertainty that may cast significant doubt on the Company's ability to continue as a going concern. However, the Company's business performance in the first six months of the year has shown significant growth, with revenue from sales of goods and rendering of services reaching VND 69 billion (VND 24 billion in the same period of the previous year); trade receivables (both current and non-current) decreased by VND 42.9 billion compared to the beginning of the year; and interest expenses decreased by VND 5.7 billion compared to the same period of the previous year. The Board of General Directors of the Company assessed that the Company's production and business activities remain normal and that the Company is making efforts to increase revenue and collect receivables to settle its liabilities (prioritizing the repayment of borrowings to reduce interest expenses), and to ensure funds for dividend payments to shareholders. Accordingly, the Company's interim financial statements for the accounting period from 01 January 2026 to 30 June 2026 have been prepared on a going concern basis.

e) Comparative figures

Comparative figures are from the audited financial statements for the financial year ended 31 December 2025 of Song Da 6 Joint Stock Company and the Company's reviewed interim financial statements for the accounting period from 01 January 2025 to 30 June 2025.

Certain comparative figures have been reclassified to conform with the presentation format prescribed under Circular No. 99/2025/TT-BTC dated 27 October 2025 guiding the Vietnamese Corporate Accounting System, as follows:

Figures are based on the financial statements for the financial year ended 31 December 2025

Items	Code	Amount
The balance sheet		
Other short-term payables	319	201,004,189,762

Figures are based on the interim financial statements for the accounting period from 01 January 2025 to 30 June 2025

Items	Code	Amount
The interim income statement		
Financial expenses	22	13,235,543,405
<i>In which: Interest expenses</i>	23	12,773,622,380

The interim cash flow statement

Gain, loss related to investing activities	05	(1,706,976,940)
Increase, decrease in prepaid expenses	12	(3,062,473,662)
Interest paid	14	(1,786,492,492)
Interest, dividends and profit distributions received	27	2,741,115

Figures are adjusted according to Circular 99/2025/TT- BTC

Items	Code	Amount	Adjusted
The statement of financial position			
Dividends and profits payables	313	86,101,556,459	(86,101,556,459)
Other short-term payables	320	114,902,633,303	86,101,556,459

Figures are adjusted according to Circular 99/2025/TT- BTC

Items	Code	Amount	Adjusted
The interim income statement			
Financial expenses	23	13,235,543,405	-
<i>In which: Borrowing costs</i>	24	12,773,622,380	-

The interim cash flow statement

Gain, loss related to investing and financing activities	05	(1,704,235,825)	(2,741,115)
Increase, decrease in prepaid expenses	12	(3,062,473,662)	-
Borrowing costs paid	14	(1,786,492,492)	-
Interest, dividends and profit distributions received	27	-	2,741,115

During the accounting period, the Company adjusted the recognition of the decrease in other income in respect of the foreign exchange difference arising from the receivables of Xekaman 1- Sanxay Hydropower Project and Xekaman 3 Hydropower Project in 2024, amounting to VND 47,357,234,181. The impact of the above retrospective adjustment on the 2025 financial statements is as follows:

Financial statements as at 31 December 2025 before adjustment			Financial statements as at 31 December 2025 after adjustment		
Items	Code	Amount	Items	Code	Amount
The balance sheet			The statement of financial position		
Short-term trade receivables	131	312,560,148,269	Short-term trade receivables	131	265,202,914,088
Retained earnings	420	(342,113,337,803)	Retained earnings	420	(389,470,571,984)
					47,357,234,181

Approved, 14 August 2026

Preparer



Tran Ngoc Anh

Chief Accountant



Nguyen Van Ngan

General Director

